B16-7-1

11:25

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U16 | Round 7 | Date 2026.8.27 | Board 1

WHITE Zhong, Taoyu | FED CHN | RESULT (W) 1/2

BLACK Tenguundalai, Ganbat | FED MGL | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rd8	Rd8	41			61		
2	c4	e6	22	Rd8	Qd8	42			62		
3	g3	d5	23	e6	fe	43			63		
4	Bg2	dc	24	Qe6	Kh8	44			64		
5	Nf3	a6	25	h4	b5	45			65		
6	0-0	Nc6	26	Bd5	h6	46			66		
7	e3	Nd5	27	Be4	Nc6	47			67		
8	e4	Nb6	28	Qg6	Kg8	48			68		
9	Be3	Be7	29	Qe6	Kh8	49			69		
10	Qe2	Bd7	30			50			70		
11	Nc3	0-0	31			51			71		
12	Rd1	Na5	32			52			72		
13	Ne5	Bd6	33			53			73		
14	Nd7	Qd7	34			54			74		
15	e5	Bb4	35			55			75		
16	d5	Bc3	36			56			76		
17	Bb6	c6	37			57			77		
18	bc	ed	38			58			78		
19	Rd5	Qe7	39			59			79		
20	Rad1	Rad8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Zhong Taoyu | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-7-1

11:25

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 7 | Date 2026.8.27 | Board 1

WHITE Zhong, Taoyu | FED CHN | RESULT (W) 1/2

BLACK Tenguundalai Ganbat | FED MGL | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rd8	Rd8	41			61		
2	c4	e6	22	Rd8	Qd8	42			62		
3	g3	d5	23	e6	fe	43			63		
4	Bg2	dc	24	Qe6	Kh8	44			64		
5	Nf3	a6	25	h4	b5	45			65		
6	0-0	Nc6	26	Bd5	h6	46			66		
7	e3	Nd5	27	Be4	Nc6	47			67		
8	e4	Nb6	28	Qg6	Kg8	48			68		
9	Be3	Be7	29	Qe6	Kh8	49			69		
10	Qe2	Bd7	30			50			70		
11	Nc3	0-0	31			51			71		
12	Rfd1	Na5	32			52			72		
13	Ne5	Bd6	33			53			73		
14	Nd7	Qd7	34			54			74		
15	e5	Bb4	35			55			75		
16	d5	Bc3	36			56			76		
17	Bb6	c6	37			57			77		
18	bc	ed	38			58			78		
19	Rd5	Qe7	39			59			79		
20	Rad1	Rad8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Zhong, Taoyu | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-7-2

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 7 | Date 2026.8.25 | Board 2

WHITE Miao, Zixin | FED | RESULT (W) 1/2

BLACK Shen, Fuyan | FED | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nc1	Nc8	41			61		
2	c4	e6	22	Be2	Nc6	42			62		
3	Nf3	a6	23	Bc4	dc	43			63		
4	cd	ed	24	Ne2	Rf7	44			64		
5	Nc3	c6	25	Ra1	g5	45			65		
6	Bf4	Bd6	26	Ng3	Qg6	46			66		
7	Bd6	Qd6	27	e4	fe	47			67		
8	e3	Ne7	28	Rfe1	Rf4	48			68		
9	Bd3	Bg4	29	Qc2	Re8	49			69		
10	h3	Bh5	30	Re2	Kf7	50			70		
11	0-0	0-0	31	Rae1	e3	51			71		
12	Rb1	Nd7	32	fe	Qc2	52			72		
13	b4	f5	33	Rc2	Rf6	53			73		
14	Be2	Bf3	34	e4	Rf4	54			74		
15	Bf3	b5	35	Rb1		55			75		
16	Ne2	a5	36			56			76		
17	a4	ba	37			57			77		
18	Qa4	Nb6	38			58			78		
19	Qb3	Nc4	39			59			79		
20	Qc3	a4	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Miao | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-7-2

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 7 | Date 8.27 | Board 2

WHITE Miao Zixin | FED | RESULT (W) 0.5

BLACK Shen, Fuyan | FED | RESULT (B) 0.5

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nc1	Nc8	41			61		
2	c4	e6	22	Be2	Nc6	42			62		
3	Nf3	a6	23	Bc4	dc	43			63		
4	cd	ed	24	Ne2	Rf7	44			64		
5	Nc3	c6	25	Ra1	g5	45			65		
6	Bf4	Bd6	26	Ng3	Qg6	46			66		
7	Bd6	Qd6	27	e4	fe	47			67		
8	e3	Ne7	28	Rfe1	Rf4	48			68		
9	Bd3	Bg4	29	Qc2	Rae8	49			69		
10	h3	Bh5	30	Re2	Kf7	50			70		
11	0-0	0-0	31	Ra1	e3	51			71		
12	Rb1	Nd7	32	fe	Qc2	52			72		
13	b4	f5	33	Rc2	Rf6	53			73		
14	Be2	Bf3	34	c4	Rf4	54			74		
15	Bf3	b5	35	Rb1		55			75		
16	Ne2	a5	36			56			76		
17	a4	ba	37			57			77		
18	Qa4	Nb6	38			58			78		
19	Qb3	Nc4	39			59			79		
20	Qc3	a4	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Miao | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-7-3

12/06

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B16 | Round: 7 | Date: 27/8 | Board: 13

WHITE	Dang Thai Vu	FED	RESULT (W) ½
BLACK	S. Tharvin	FED	RESULT (B) ½

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rb3	RAc8	41	Nxe8	a5	61		
2	Nf3	e6	22	RBc3	Nb6	42	Kd2	Nb5	62		
3	g3	b5	23	Ne4	Bxe4	43	cxe	Nd6	63		
4	Bg2	Bb7	24	Rxe4	NExe4	44	Kc3	Kf7	64		
5	0-0	Be7	25	Rb1	Nd5	45	Nd8+	Kg6	65		
6	b3	0-0	26	Be1	N06	46	Ne6	Nb8	66		
7	Bb2	d6	27	Nd2	d5	47	Kc4	Kf5	67		
8	c4	bxc4	28	Nxc4	Nxc4	48	h3	Ke6	68		
9	bxc4	NB6	29	Nf1	Bxb3	49	Kg3	Kd4	69		
10	NBb2	c5	30	Ke1	Bxc1	50	Kxh3	Kxh3	70		
11	RAb1	cxd4	31	Kxc1	Kb8	51	Kxh3	Kc3	71		
12	Nxd4	Bg7	32	Kc2	Kf8	52	Ka3	Kc6	72		
13	Kg2	Qe7	33	e4	Nc7	53	Kb3	Kc5	73		
14	Pa3	a6	34	Rc7	bxc4	54	Xa6	Kc6	74		
15	e3	RFc8	35	Nc6	Qa8	55	Xa7	Kb5	75		
16	Qb3	b6	36	Ne5	f6	56			76		
17	RFc1	We5	37	Nf4	Kg8	57			77		
18	Qb7	Bf8	38	Nf3 Rd7	Nb3	58			78		
19	Rc7	Rxc7	39		Rd7	59			79		
20	Rb6	NFd7	40	Rxa7	Nxa7	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-7-3

12/06

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B16 | Round: 7 | Date: 27-8 | Board: 3

WHITE	Dang Thai Vu	FED VIE	RESULT (W) 1/2
BLACK	Shiva Shanmugam Tharvin	FED MAS	RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rb3	Xc8	41	Me6	a5	61		
2	Nf3	c6	22	Xbc3	Mb6	42	Vd2	Mb5	62		
3	g3	b5	23	Me4	Rc4	43	a4	Ma6	63		
4	Bg2	Bb7	24	Rc4	Nec4	44	Vc3	Vf7	64		
5	0-0	Be7	25	Rb1	Md5	45	Md8	Vg6	65		
6	b3	0-0	26	Tc1	Mb6	46	Mc6	Mb7	66		
7	Bb2	d6	27	Md2	d5	47	Vc4	Vf5	67		
8	c4	bc	28	Mc4	Mc4	48	h3	Ve6	68		
9	bc	Nbd7	29	Vf1	Ba6	49	Vb5	Vd5	69		
10	Nbd2	c5	30	Ve1	Tc1	50	Ma5	Ma5	70		
11	Xb1	cd	31	Xc1	X b8	51	Va5	Vc4	71		
12	Nd4	Bg2	32	Xc2	Vf8	52	Vc6	Vc6	72		
13	Kg2	Hc7	33	e4	Ma3	53	Va4	Ve5	73		
14	Ba3	a6	34	Xc7	d2	54	Va6	Vc8	74		
15	e3	Xfc8	35	Mc6	Xa8	55	Va5	Vd8	75		
16	Qb3	Nb	36	Me5	Hc5 f6	56			76		
17	Rfc1	Me5	37	Mg6	Vg8	57			77		
18	Qb7	Bf8	38	M+4	Mb5	58			78		
19	Qc7	Rc7	39	Xa7	Xa7	59			79		
20	Xb6	Nd7	40	Xa7	Ma7	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B6-7-4

12:58

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 7 | Date Aug. 27, 2026 | Board 4

		FED	RESULT
WHITE	Jaymiel Piel	PHI	
BLACK	Yucheng Robinson Li	HKG	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nxe6	Nxe6	41			61		
2	Nf3	Nf6	22	Bc4	Rfc	42			62		
3	Nc3	Bb4	23	a4	Kf8	43			63		
4	a3	Bxc3	24	Bxe6	Rxe6	44			64		
5	dxc3	O-O	25	Rg3	Ra8	45			65		
6	Bg5	h6	26	b3	Rfc	46			66		
7	Bxf6	Qxf6	27	hxg1	Kf7	47			67		
8	Bc4	d6	28	f3	c6	48			68		
9	h3	Nd7	29	Rd1	d5	49			69		
10	Qe2	Nc5	30	Rg5	Rxf3	50			70		
11	O-O-O	a6	31	exd5	Kfc	51			71		
12	Kb1	Rb8	32	Rg4	Rd8	52			72		
13	g4	Be6	33	d6	Rf4	53			73		
14	Bd3	b5	34	d7	Kf5	54			74		
15	g5	hxg5	35	a5	a5	55			75		
16	Rdg1	a5	36	Rxf4+	cxf4	56			76		
17	Nxg5	b4	37	a6	f3	57			77		
18	cxb4	axb4	38	a7	f2	58			78		
19	Qh5	Qg6	39	Rf1	Ke6	59			79		
20	Qxg6	fxg6	40	Rxf2		60			80		

SIGNATURE (WHITE) Jaymiel Piel | SIGNATURE (BLACK) Robinson | SIGNATURE (ARBITER)

B16-7-4

12:58

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 7 | Date 8.27 | Board 4

		FED	RESULT
WHITE	Piel Jaymiel	PHI	1
BLACK	Robinson	HKG	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nf6	Ne6	41			61		
2	Nf3	Nf6	22	Bc4	Rf6	42			62		
3	Nc3	Bb4	23	a4	Kf8	43			63		
4	a3	Bc3	24	Bc6 Rg3	Re6	44			64		
5	dc	a0	25		Ra8	45			65		
6	Bg5	h6	26	g3	Rf6	46			66		
7	Bf6	gf6	27	Rh91	Kf7	47			67		
8	Bc4	d6	28	f3	c6	48			68		
9	h3	Nd7	29	Rd1	d5	49			69		
10	ae2	Ng5	30	Rg5	Rf3	50			70		
11	a0-0	a6	31	e4	Kf6	51			71		
12	Kb1	Rg8	32	Rg4	Rd8	52			72		
13	g4	Be6	33	d6	Rf4	53			73		
14	Bd3	b5	34	d7	Kf5	54			74		
15	g5	hg	35	a5	c5	55			75		
16	Rg1	a5	36	Rf4	Re6	56			76		
17	Ng5	b4	37	a6	f3	57			77		
18	c6	ab	38	a7	f2	58			78		
19	Qh5	Qg6	39	Rf1	Ke6	59			79		
20	Qg6	fg	40	Rf2		60			80		

SIGNATURE (WHITE) Jaymiel Piel | SIGNATURE (BLACK) Robinson | SIGNATURE (ARBITER)

B16-7-5

12:23

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B16 | Round: 7 | Date: | Board: 5

WHITE: Shah Krishiv | FED: HKG | RESULT (W): 0

BLACK: Thirof As Syahsyah Syakirin | FED: INA | RESULT (B): 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bde2	Qg2	41			61		
2	c4	g6	22	0-0-0	Rh8	42			62		
3	h4	Bg7	23	Qg7	Nf4	43			63		
4	Nc3	d5	24	Bf1	Qg4	44			64		
5	h5	Nxh5	25	Qf6	Ng6	45			65		
6	cd5	e6	26	Bd3	Rh5	46			66		
7	e4	ed5	27	Be3	Qg3	47			67		
8	e5	Bf8	28	Kd2	Rh2	48			68		
9	Nf3	c6	29	Be2	Qh4	49			69		
10	Ng5	Be7	30	Bg5	Qd4	50			70		
11	Rh5	gh5	31	Kc1	Qe5	51			71		
12	Qh5	Bg5	32	Qe4	Nc5	52			72		
13	Bg5	Qd7	33	Bh4	Ke2	53			73		
14	Bf6	Qg8	34	Ne2	Bxg6	54			74		
15	Qh7	Qg4	35	Be3	Bg4	55			75		
16	Bd3	Be6	36			56			76		
17	f4	Nd7	37			57			77		
18	Bh4	Nf8	38			58			78		
19	Qh6	Ng6	39			59			79		
20	Bg5	Kd7	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-7-5

12:23

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B16 | Round: 1 | Date: 27/08/26 | Board: 5

WHITE: Krishiv Shah | FED: HKG | RESULT (W): 0

BLACK: Thirof As Syahsyah Syakirin | FED: INA | RESULT (B): 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4 90	Nf6 90	21	Be2 7	Qxg2 15	41			61		
2	e4 90	g6 90	22	0-0-0 6	Rh8 13	42			62		
3	h4 90	Bg7 89	23	Qg7 7	Nxf4 12	43			63		
4	Nc3 90	d5 90	24	Bf1 6	Qg4 10	44			64		
5	h5 89	Nxh5 80	25	Qf6 6	Ng6 10	45			65		
6	cxd5 89	e6 74	26	Bd3 6	Rh5 10	46			66		
7	e4 87	exd5 72	27	Be3 4	Qg3 10	47			67		
8	e5 87	Bf8 72	28	Kd2 3	Rh2 8	48			68		
9	Nf3 76	c6 71	29	Be2 2	Qh4 8	49			69		
10	Ng5 62	Be7 62	30	Bg5 2	Qxd4 8	50			70		
11	Rxh5 58	gxh5 61	31	Kc1 2	Qxe5 7	51			71		
12	Qxh5 58	Bxg5 46	32	Qxe5	Nxe5	52			72		
13	Bxg5 59	Qd7 42	33	Bf4	Re2	53			73		
14	Bf6 53	Rg8 42	34	Ne2	Ng6	54			74		
15	Qxh7 46	Qg4 41	35	Be3	Bg4	55			75		
16	Bd3 43	Be6 34	36			56			76		
17	f4 21	Nd7 33	37	0 - 1		57			77		
18	Bh4 20	Nf8 29	38			58			78		
19	Qh6 20	Ng6 17	39			59			79		
20	Bg5 11	Kd7 15	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-7-6

11:27

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 7 | Date 2026.B27 | Board 6

WHITE Dunvenkhishig Bat-Erdene | FED MGL | RESULT (W) 0.5

BLACK Wei Yuren | FED CHN | RESULT (B) 0.5

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rc4	Rd4	41			61		
2	Nf3	Nf6	22	Bd4	Rc8	42			62		
3	Bf4	e6	23	Rc8	Nc8	43			63		
4	e3	Bd6	24	Nc3	Nd6	44			64		
5	Bg3	c5	25	Nb3	Nd7	45			65		
6	Nbd2	Qc7	26	Bd5	Kf8	46			66		
7	dc	Qc5	27	f4	ef	47			67		
8	Bb3	0-0	28	ef		48			68		
9	c4	Bg3	29			49			69		
10	h3	h6	30			50			70		
11	Rc1	Nc6	31			51			71		
12	a3	e5	32			52			72		
13	b4	Qd6	33			53			73		
14	dc	Qd5	34			54			74		
15	Bc4	Qd6	35			55			75		
16	Nb3	Qd1	36			56			76		
17	Rd1	Bg4	37			57			77		
18	Be2	Bf3	38			58			78		
19	gf	Rd8	39			59			79		
20	Rf4	Ne7	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) DUVRE. | SIGNATURE (BLACK) Wei Yuren | SIGNATURE (ARBITER)

B16-7-6

17:27

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 7. | Date 6.27. | Board 6.

WHITE Dunvenkhishig Bat-Erdene | FED MGL | RESULT (W) 1

BLACK Wei Yuren | FED CHN | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4.	d5.	21	Rc4.	Rxd4.	41			61		
2	Nf3.	Nf6.	22	Bxd4.	Rc8.	42			62		
3	Bf4	e6.	23	Rxc8	Nxc8.	43			63		
4	e3.	Bd6.	24	Nc3.	Nf6.	44			64		
5	Bg3.	c5.	25	Nb3.	Ne7.	45			65		
6	Nbd2.	Qc7.	26	Bb3	Kf8.	46			66		
7	dc	Qxc5.	27	f4.	ef.	47			67		
8	Bd3.	0-0	28	ef.		48			68		
9	c4.	Bg3	29	1/2		49			69		
10	h3.	h6.	30			50			70		
11	Rc1.	Nc6	31			51			71		
12	a3.	e5.	32			52			72		
13	b4.	Qd6.	33			53			73		
14	dc	Qxc5	34			54			74		
15	Bc4	Qd6.	35			55			75		
16	Nb3	Qxd4.	36			56			76		
17	Rxd4.	Bg4.	37			57			77		
18	Be2	Bxf3.	38			58			78		
19	gf	Rd8.	39			59			79		
20	Rf4.	Ne7.	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) DUVRE. | SIGNATURE (BLACK) Wei Yuren | SIGNATURE (ARBITER)

B16-7-7

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U16 | Round 7 | Date 27.8.26 | Board 7

WHITE Sun, Chang-Iyu | FED TPE | RESULT (W) 1

BLACK Hein Myat Thu | FED MYA | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	g3	f5	41	Kf5	Ke7	61		
2	Nf3	d6	22	g4	fxg4	42	Kg6	Ke6	62		
3	d4	cxd4	23	fxg4	Bf4	43	h6	Ke7	63		
4	Nxd4	Nf6	24	h3	h6	44	Kxh6	~~Kh7~~	64		
5	f3	e5	25	Nc1	Kc7	45	Kh7	f5	65		
6	Nb3	d5	26	Ne2	f6	46	g5		66		
7	Bg5	Be6	27	~~Rd1~~ Rd7	~~Ng8~~ Rd7	47			67		
8	Bxf6	gxf6	28	Bxg3	Bxg5	48			68		
9	exd5	Qxd5	29	Rxg3	Nd5	49			69		
10	Qxd5	Bxd5	30	Kc1	Nf4	50			70		
11	Nc3	Be6	31	Re3	Nxd3+	51			71		
12	0-0-0	Nd7	32	Rxd3	Rxd3	52			72		
13	Nd5	Bh6+	33	cxd3	Kd6	53			73		
14	Kb1	0-0-0	34	Kd2	Ke6	54			74		
15	Bb5	Bxd5	35	Ke3	Kd5	55			75		
16	Rxd5	Nb6	36	b3	d5	56			76		
17	Rxd8+	Rxd8	37	a3	Kc5	57			77		
18	Bd3	Nd5	38	Ke4	~~Bb5~~	58			78		
19	Nc5	b6	39	h4	b4	59			79		
20	Ng3	Ne3	40	a4	Kd6	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-7-7

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 7 | Date | Board 07

WHITE Sun Chang Iyu | FED | RESULT (W) 1

BLACK Hein Myat Thu | FED ~ | RESULT (B) 6

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	g3	f5	41	Kf5	Ke7	61		
2	Nf3	d6	22	g4	fg4	42	Kg6	Ke6	62		
3	d4	cd	23	fg4	Bf4	43	h5	Ke7	63		
4	Nd4	Nf6	24	h3	h6	44	Kh6	Kf7	64		
5	f3	e5	25	Nc1	Kc7	45	Kh7	f5	65		
6	Nb3	d5	26	Ne2	f6	46	g5		66		
7	Bg5	Be6	27	Rg1	Rd7	47			67		
8	Bf6	gf6	28	Ng3	Bg3	48			68		
9	ed	Qd5	29	Rg3	Nd5	49			69		
10	Qd5	Bd5	30	Kc1	Nf4	50			70		
11	Nc3	Be6	31	Re3	Nd3	51			71		
12	0-0-0	Nd7	32	Rd3	Rd3	52			72		
13	Nb5	Bh6	33	cd	Kd6	53			73		
14	Kb1	0-0-0	34	Kd2	Kc5	54			74		
15	Bb5	Bb5	35	Ke3	Kc5	55			75		
16	Rc5	Nb6	36	b3	a5	56			76		
17	Rc8	Rd8	37	a3	Kc5	57			77		
18	Rb3	Nb5	38	Ke4	b5	58			78		
19	Nc5	b6	39	h4	b4	59			79		
20	Nb3	Ne3	40	a4	Kd6	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-7-8

12:02

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U16 | Round 7 | Date | Board 8

WHITE Zhou Tony | FED | RESULT (W) 1/2

BLACK Gong Bonuonuo | FED | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	Re1	ef	41			61		
2	c4	g6	22	f3	a5	42			62		
3	Nc3	Bg7	23	a3	ab	43			63		
4	e4	d6	24	ab	Rfe8	44			64		
5	d4	0-0	25	Re6	Re6	45			65		
6	Be2	e5	26	de	d5	46			66		
7	0-0	Nc6	27	b5	c6	47			67		
8	d5	Ne7	28	h4	Re8	48			68		
9	b4	Nh5	29	Kh3	Re6	49			69		
10	Re1	Nf4	30	Kg4	h5	50			70		
11	Bf1	Bg4	31	Kf4	Be5	51			71		
12	h3	Bf3	32	Kg5	Bf6	52			72		
13	Qf3	f5	33	Kf4	Be5	53			73		
14	Bb2	Qd7	34	Kg5	Bf6	54			74		
15	c5	fe	35	Kf4		55			75		
16	Qe4	Qf5	36			56			76		
17	Qf5	Nf5	37			57			77		
18	g3	Nd4	38			58			78		
19	gf	Nf3	39			59			79		
20	Kg2	Ne1	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-7-8

12:02

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U16 | Round 7 | Date 8.27 | Board 8

WHITE Zhou Tony | FED | RESULT (W) 1/2

BLACK Gong Bonuonuo | FED | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	Re1	ef	41			61		
2	c4	g6	22	f3	a5	42			62		
3	Nc3	Bg7	23	a3	ab	43			63		
4	e4	d6	24	ab	Rfe8	44			64		
5	d4	0-0	25	Re6	Re6	45			65		
6	Be2	e5	26	de	d5	46			66		
7	0-0	Nc6	27	b5	c6	47			67		
8	d5	Ne7	28	h4	Re8	48			68		
9	b4	Nh5	29	Kh3	Re6	49			69		
10	Re1	Nf4	30	Kg4	h5	50			70		
11	Bf1	Bg4	31	Kf4	Be5	51			71		
12	h3	Bf3	32	Kg5	Bf6	52			72		
13	Qf3	f5	33	Be5	Kg5	53			73		
14	Bb2	Qd7	34	Bf6	Kf4	54			74		
15	c5	fe	35			55			75		
16	Qe4	Qf5	36			56			76		
17	Qf5	Nf5	37			57			77		
18	g3	Nd4	38			58			78		
19	gf	Nf3	39			59			79		
20	Kg2	Ne1	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B17-7-9

12:21

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U16 | Round 7 | Date 8.27 | Board 9

WHITE Yang Ya cheng | FED TPE | RESULT (W) 1/2

BLACK Liu Fung Ming Mathew | FED HKG | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Ke2	Kg2	41			61		
2	Nf3	d6	22	Nc4	f5	42			62		
3	Bb5	Bd7	23	gxf	b5	43			63		
4	Bxd7	Qxd7	24	Ne3	a5	44			64		
5	0-0	Nf6	25	a3	axb4	45			65		
6	Re1	e5	26	axb4	Ra2	46			66		
7	c3	Nc6	27	Kf3	Rxa4	47			67		
8	d4	Be7	28	g3	Rb2	48			68		
9	d5	Nd8	29	Rc2	Raa2	49			69		
10	b4	b6	30	Rec1	Rxc2	50			70		
11	Nh4	0-0	31	Rxc2	Ra3	51			71		
12	Nf5	Re8	32	Ke2	Rb3	52			72		
13	Qf6	Qc7	33	bxc4	Nxc4	53			73		
14	Nxe7	Bxe7	34	Nd1	Kf6	54			74		
15	Bg5	Nb7	35	Ne3	Ne4	55			75		
16	Na3	Rxa4	36	Kd3	Ke2	56			76		
17	Rac1	h6	37			57			77		
18	Bxf6	Qxf6	38			58			78		
19	Qxf6	gxf6	39			59			79		
20	Kf1	h5	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) yang | SIGNATURE (BLACK) Mathew | SIGNATURE (ARBITER)

B17-7-9

12:27

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U16 | Round 7 | Date 8.27 | Board 9

WHITE Yang Yacheng | FED TPE | RESULT (W) 1/2

BLACK Liu Fung Ming Mathew | FED HKG | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Ke2	Kg7	41			61		
2	Nf3	d6	22	Nc4	f5	42			62		
3	Bb5	Bd7	23	ef	b5	43			63		
4	Bd7	Qd7	24	Ne3	a5	44			64		
5	0-0	Nf6	25	g3	ab	45			65		
6	Re1	e5	26	ab	Ra2	46			66		
7	c3	Nc6	27	Kf3	Rxa4	47			67		
8	d4	Be7	28	g3	Rb2	48			68		
9	d5	Nd8	29	Rc2	Ra2	49			69		
10	b4	b6	30	Rec1	Rc2	50			70		
11	Nh4	0-0	31	Rc2	Rg3	51			71		
12	Nf5	Re8	32	Ke2	Rb3	52			72		
13	Qf3	Qc7	33	bc	Nxc3	53			73		
14	Ne7	Qe7	34	Ne1	Kf6	54			74		
15	Bg5	Nb7	35	Ne3	Ne4	55			75		
16	Nd3	Rc8	36	Kd3	Nc5	56			76		
17	Rac1	h6	37	Ne2		57			77		
18	Bxf6	Qxf6	38			58			78		
19	Qf6	gf	39			59			79		
20	Kf1	h5	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) yang | SIGNATURE (BLACK) Mathew | SIGNATURE (ARBITER)

8/27 21:22

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: U16 | Round: 7 | Date: 8.27.26 | Board: 10

WHITE: Demos: Jerci Rehann P. | FED | RESULT (W): 0
BLACK: Byun, Junseok | FED | RESULT (B): 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c5	21	Kf1	Rd8	41	Bc6	Ra7	61		
2	Nc3	Nf6	22	Rc3	Bc2	42	Kg4	h4#	62		
3	e4	Nc6	23	Nc1	exf4	43			63		
4	d3	g3 d6	24	gxf4	Bxd3	44			64		
5	~~d5~~ g3	d5	25	Nxd3	Qe4	45			65		
6	Bg5	d4	26	Bg2	~~Kf2~~ e2	46			66		
7	Nce2	Be7	27	~~Nxd3~~ Kf2	Nxd3	47			67		
8	Bg2	e5	28	Rxd3	Qxd3	48			68		
9	f4	Ng4	29	Qxd3	Rxd3	49			69		
10	Bxe7	Qxe7	30	Kxe2	Bd5	50			70		
11	Qa4	Bd7	31	Kh8	Rd1	51			71		
12	Bh3	Nb3	32	Rxb2	Kf3	52			72		
13	Qb3	Ne3	33	h4	g6	53			73		
14	Rd1	a5	34	Bc6	Re4	54			74		
15	a4	Bc6	35	~~Bb5~~ 4	~~Rd6~~	55			75		
16	Nf3	f6	36	Bb4	~~Be6~~	56			76		
17	Nd2	0-0	37	Rd6	a3	57			77		
18	Nf1	Qe8	38	Re2	Rb2	58			78		
19	Nxa3	Bxa4	39	Rd1	a2	59			79		
20	Qa3	dxe3	40	Ra1	Ra8	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

8/27 11:22

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: U16 | Round: 7 | Date: 8/27 | Board: 10

WHITE: Demos Jerci Rehann | FED | RESULT (W): 0
BLACK: Byun jun seok | FED | RESULT (B): 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c5	21	Kf1	Rd8	41	Bc6	Ra7+	61		
2	Nc3	Nf6	22	Rc3	Bc2	42	Kg4	h5#	62		
3	e4	Nc6	23	Nc1	exf4	43			63		
4	d3	e6	24	gxf4	Bxd3+	44			64		
5	g3	d5	25	Nxd3	qxe4	45			65		
6	Bg5	d4	26	Bg2	e2+	46			66		
7	Nce2	Be7	27	Kf2	Nxd3+	47			67		
8	Bg2	e5	28	Rxd3	qxd3	48			68		
9	f4	Ng4	29	qxd3	Rxd3	49			69		
10	Bxe7	qxe7	30	Kxe2	Rb3	50			70		
11	qa4	Bd7	31	Bg5+	Kh8	51			71		
12	Bh3	Nb4	32	Rd1	Rxb2+	52			72		
13	qb3	Ne3	33	Kf3	b6	53			73		
14	Rc1	a5	34	h4	g6	54			74		
15	a4	Bc6	35	Bc6	Rb4	55			75		
16	Nf3	f6	36	Bb5	a4	56			76		
17	Nd2	0-0	37	Rd6	a3	57			77		
18	Nf1	qe8	38	Rd2	Rb2	58			78		
19	Nxe3	Bxa4	39	Rd1	a2	59			79		
20	qa3	dxe3	40	Ra1	Ra8	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-7-16 9:07

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 7 | Date | Board 11

WHITE [illegible] | FED | RESULT (W) 1

BLACK Bansagombo Bayartsogtokh | FED | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	hg	fg	41			61		
2	d4	d5	22	bxg6	nxg6	42			62		
3	ed	ed	23	rxg6+	kf7	43			63		
4	bd3	nf6	24	rg7+	ke8	44			64		
5	nc3	bb6	25	qg5	be7	45			65		
6	bg5	c6	26	nfe4	rd8	46			66		
7	qg2	o-o	27	re1	ra7	47			67		
8	qd2	bg4	28	qg6+		48			68		
9	f3	bh5	29			49			69		
10	nf4	re8+	30			50			70		
11	nce2	bg6	31			51			71		
12	nxg6	hg	32			52			72		
13	o-o-o	nbd6	33			53			73		
14	kb1	a5	34			54			74		
15	g4	b5	35			55			75		
16	h4	b4	36			56			76		
17	h5	gh	37			57			77		
18	gh	nf8	38			58			78		
19	rdg1	re6	39			59			79		
20	bh6	g6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) [signature] | SIGNATURE (BLACK) [signature] | SIGNATURE (ARBITER) [signature]

B16-7-1 9:07

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 7 | Date 2026.03.27 | Board 11

WHITE Guo, Shanglin | FED CHN | RESULT (W) 1

BLACK Baasangombo | FED MGL | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	hg	fg	41			61		
2	d4	d5	22	Bxg6	Nxg6	42			62		
3	ed	ed	23	Rxg6	Kf7	43			63		
4	Bd3	Nf6	24	Rg7	Ke8	44			64		
5	Nc3	Bb6	25	Qg5	Be7	45			65		
6	Bg5	c6	26	Nf4	Rd6	46			66		
7	Nc2	o-o	27	Re1	Ra7	47			67		
8	Qd2	Bg4	28	Qg6		48			68		
9	f3	Bh5	29			49			69		
10	Nf4	Re8	30			50			70		
11	Nce2	Bg6	31			51			71		
12	Nxg6	hg	32			52			72		
13	o-o-o	Nbd7	33			53			73		
14	Kb1	a5	34			54			74		
15	g4	b5	35			55			75		
16	h4	b4	36			56			76		
17	h5	gh	37			57			77		
18	gh	Nf8	38			58			78		
19	Rdg1	Re6	39			59			79		
20	Qh1	g6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) [signature] | SIGNATURE (BLACK) [signature] | SIGNATURE (ARBITER) [signature]

B16-7-12

(020)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 7 | Date | Board 12

WHITE	Chang Chun Min	FED	RESULT (W) 1
BLACK	Li Fei Yat	FED	RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qf8#		41			61		
2	Bf4	Nf6	22			42			62		
3	e3	e6	23			43			63		
4	Nf3	c5	24			44			64		
5	c3	cxd4	25			45			65		
6	exd4	a6	26			46			66		
7	Nd2	Bd6	27			47			67		
8	Bg3	Bxg3	28			48			68		
9	hxg3	0-0	29			49			69		
10	Qc2	Qa5	30			50			70		
11	g4	g6	31			51			71		
12	g5	Ne8	32			52			72		
13	Bd3	Ng7	33			53			73		
14	Ne5	Nc6	34			54			74		
15	Ng4	Re8	35			55			75		
16	Nf6+	Kf8	36			56			76		
17	Nxe8	Nxe8	37			57			77		
18	Rxh7	Nd6	38			58			78		
19	Bxg6	fxg6	39			59			79		
20	Qxg6	Ne8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) ming | SIGNATURE (BLACK) Feiyi | SIGNATURE (ARBITER) Cow

B16-7-12

(020)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 7 | Date 8/27 | Board 12

WHITE	Chang Chung Min	FED TPE	RESULT (W) 1
BLACK	Li Fei Yat	FED HKG	RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qf8		41			61		
2	Bf4	Nf6	22			42			62		
3	e3	e6	23			43			63		
4	Nf3	c5	24			44			64		
5	c3	[illegible]	25			45			65		
6	exd4	a6	26			46			66		
7	Nd2	Bd6	27			47			67		
8	Bg3	Bxg3	28			48			68		
9	hxg3	0-0	29			49			69		
10	Qc2	Qa5	30			50			70		
11	g4	g6	31			51			71		
12	g5	Ne8	32			52			72		
13	Bd3	Ng7	33			53			73		
14	Ne5	Nc6	34			54			74		
15	Ng4	Re8	35			55			75		
16	Nf6	Kf8	36			56			76		
17	Nxe8	Nxe8	37			57			77		
18	Rxh7	Nd6	38			58			78		
19	Bxg6	fxg6	39			59			79		
20	Qxg6	Ne8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) ming | SIGNATURE (BLACK) Feiyi | SIGNATURE (ARBITER) Cow